

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AM
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34/2017/ DS- ST**
Ngày 22 tháng 8 năm 2017
“*V/v Tranh chấp về hợp đồng
góp hụi*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AM, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện AM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2017/TLST- DS ngày 26 tháng 4 năm 2017 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2017/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2017/QĐST- DS ngày 18 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Kim L, sinh năm 1960 (có mặt);

2. Đồng bị đơn: - Bà Ngô Mỹ Ph, sinh năm 1979 (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Thái Ng, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng cư trú: ấp 8 II, xã Thuận Hòa, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2017 và biên bản hòa giải ngày 08/6/2017, nguyên đơn bà Trần Kim n trình bày và yêu cầu như sau:**

Vào các năm 2012 và năm 2013 bà có tổ chức góp hụi, bà Ph và ông Ng có tham gia góp 03 phần hụi của 02 dây hụi mở ngày 30/4/2012 âm lịch (*tháng 4 trước*), loại hụi 500.000 đồng, gồm có 47 phần, ông Ng và bà Ph 02 phần và dây hụi mở ngày 25/01/2012 âm lịch gồm có 42 phần, bà Ph, ông Ng tham gia góp 01 phần, sau khi lĩnh hụi ông Ng và bà Ph đóng hụi chết được vài lần thì ngưng không

đóng, bà góp thay đến ngày 08/9/2015 thì bà và bà Ph đối chiếu nợ thì bà Ph, ông Ng còn nợ bà số tiền hụi 36.500.000 đồng, bà Ph có làm biên nhận và hẹn trả cho bà mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng bà Ph và ông Ng không trả như thỏa thuận và không góp các phần hụi cho đến ngày mãn hụi; đến ngày 15/3/2016 ăl thì bà và bà Ph đối chiếu nợ thì bà Ph, ông Ng còn nợ bà số tiền là 40.600.000 đồng, khi đó bà Ph tiếp tục làm tờ nhận nợ bà với số tiền là 40.600.000 đồng, hẹn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng mãi đến nay không trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà Ph, ông Ng phải trả cho bà số tiền hụi chưa góp còn nợ là 40.600.000 đồng và phải trả tiền lãi suất của số tiền nêu trên từ ngày 08/9/2015 ăl đến nay 08/6/2017, cụ thể như sau: $30.500.000 \text{ đồng} \times 1,66\% / \text{tháng} \times 09 \text{ tháng} = 5.433.000 \text{ đồng}$ và $số \text{ tiền } 40.600.000 \text{ đồng} \times 1,66\% / \text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 7.413.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền bà Ph, ông Ng phải trả cho bà là 53.446.000 đồng, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

*** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 10/5/2017 và tại biên bản hòa giải ngày 08/6/2017, đồng bị đơn bà Ngô Mỹ Ph, ông Nguyễn Thái Ng trình bày như sau:**

Vợ chồng ông bà có tham gia góp 03 phần hụi do bà Trần Thị L làm chủ, loại hụi 500.000 đồng mỗi tháng mở hụi 01 lần, 03 phần hụi vợ chồng ông bà tham gia góp vợ chồng ông bà đã lĩnh hết, do điều kiện kinh tế gia đình của ông bà khó khăn, nuôi tôm không hiệu quả, không có tiền góp hụi chết cho bà L nên bà L góp thay cho vợ chồng ông bà 03 phần hụi ông bà tham gia góp, đến ngày 08/9/2015 ăl, vợ chồng ông bà và bà L xác định lại ông bà nợ tiền hụi chết bà L là 36.500.000 đồng, khi đó vợ chồng ông bà có viết biên nhận nợ cho bà L, sau đó không tiền góp hụi chết tiếp đến nay vợ chồng ông bà còn nợ 03 phần hụi của bà L nói trên tổng số tiền là 40.600.000 đồng. Nay theo yêu cầu của bà L, vợ chồng ông bà đồng ý trả cho bà L 53.446.000 đồng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả từ ngày 08/7/2017 cho đến khi trả xong số tiền hụi còn nợ bà L nói trên.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Trần Kim L yêu cầu ông Nguyễn Thái Ng, bà Ngô Mỹ Ph trả số tiền hụi chết chưa góp còn nợ bà là 40.600.000 đồng và phải trả tiền lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày 08/9/2015 ăl đến ngày xét xử 01/7/2017 ăl (nhằm ngày 22/8/2017) là 12.846.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Đồng bị đơn bà Ngô Mỹ Ph và ông Nguyễn Thái Ng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

NHẬN XÉT CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Kim L khởi kiện yêu cầu bà Ngô Mỹ Ph, ông Nguyễn Thái Ng trả tiền hụi còn nợ cho bà, được xác định là

tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay ông Ng, bà Ph cư trú tại xã Thuận Hòa, huyện AM, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AM theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung: Bà Trần Thị L và bà Ngô Mỹ Ph, ông Nguyễn Thái Ng tham gia góp hụi, xác lập hợp đồng bằng lời nói, hụi có lãi, có hoa hồng theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số: 144/ 2006/ NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 quy định về hụi, biếu, phường.

Xét yêu cầu của bà L khởi kiện yêu cầu bà Ph, ông Ng trả tiền hụi chết chưa góp là 53.446.000 đồng (*Trong đó: 40.600.000 đồng chưa góp, 12.846.000 đồng tiền lãi chậm trả*), trả trong thời gian 01 năm đủ số tiền nói trên; bà Ph và ông Ng thừa nhận và đồng ý trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 53.446.000 đồng, nhưng ông bà hẹn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả đủ số tiền nói trên. Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà L, bà Ph và ông Ng thống nhất về số lượng tiền hụi bà Ph, ông Ng chưa góp hụi chết cho bà L là có thật và thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, về số lượng tiền, thời gian, phương thức trả giữa bà L và bà Ph, ông Ng chưa thống nhất nên không thể ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự mà giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Đồng thời, về khoảng tiền lãi chậm trả giữa bà L và bà Ph, ông Ng tự thỏa thuận mức lãi 1,66%/ tháng là cao, chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ- CP ngày 27/11/2006 quy định về hụi, biếu, phường, do đó cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp.

Khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

“1.

2. *Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*

Khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ- CP ngày 27/11/2006 quy định:

“1.

2. *Trong trường hợp thành viên không góp phần hụi, chủ hụi đã góp các phần hụi thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ hụi các phần hụi chậm trả và khoản lãi đối với các phần hụi chậm trả. Mức lãi do các bên thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả các phần hụi”*

Mức lãi suất cơ bản theo Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định là 9%/ năm = 0,75% / tháng, nên cần xem xét, cụ thể như sau:

- Ngày 08/9/2015 âl, bà L và bà Ph xác định bà Ph, ông Ng nợ bà L 36.500.000 đồng nhưng bà Ph, ông Ng không trả đến nay 22/7/2017 (Nhằm ngày 01/7/2017 âl), là 22 tháng 23 ngày = 6.232.375 đồng $[(36.500.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 22 \text{ tháng}) + (36.500.000 \text{ đồng} \times 0,75\% : 30 \text{ ngày} \times 23 \text{ ngày})]$.

- Ngày 15/3/2016 âl, bà L và bà Ph xác định bà Ph, ông Ng nợ bà L 4.100.000 đồng (40.600.000 đồng – 36.500.000 đồng) nhưng bà Ph, ông Ng không trả đến nay 22/7/2017 (Nhằm ngày 01/7/2017 âl), là 15 tháng 16 ngày = 502.250 đồng $[(4.100.000 \text{ đồng} \times 0,75\% / \text{tháng} \times 15 \text{ tháng}) + (4.100.000 \text{ đồng} \times 0,75\% / \text{tháng} : 30 \text{ ngày} \times 16 \text{ ngày})]$.

Tổng số tiền lãi ông Ng, bà Ph trả cho bà L là 6.734.625 đồng.

Từ những phân tích trên, buộc ông Nguyễn Thái Ng, bà Ngô Mỹ Ph trả cho bà Trần Kim L tiền hụi còn nợ là 47.334.625 đồng. Trong đó: 40.600.000 đồng tiền hụi chưa góp, 6.734.625 đồng tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305, Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ- CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường, ngoài ra các đương sự không yêu cầu gì khác, nên không xem xét.

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Thái Ng và bà Ngô Mỹ Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.366.731 đồng (47.334.625 đồng x 5%) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Trần Kim L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.510.000 đồng theo biên lai thu số 0000295 ngày 26/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305, Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ- CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Buộc ông Nguyễn Thái Ng, bà Ngô Mỹ Ph trả cho bà Trần Kim L tiền hụi còn nợ là 47.334.625 đồng. Trong đó: 40.600.000 đồng tiền hụi chưa góp, 6.734.625 đồng tiền lãi chậm trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của bà L, nếu ông Ng, bà Ph không thi hành hoặc thi hành án không đủ số tiền nêu trên cho bà L, thì hàng tháng ông Ng, bà Ph còn phải trả cho bà L một khoản tiền

lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thái Ng, bà Ngô Mỹ Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.366.731 đồng (47.334.625 đồng x 5%).

Bà Trần Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Trần Kim L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.510.000 đồng theo biên lai thu số 0000295 ngày 26/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 22/8/2017. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện AM;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện AM;
- Lưu HSVA,VP.

Lê Mỹ Huê